

Họ tên: Nguyễn Thị Hồng – THCS Yên Thọ - PGD&ĐT Đông Triều

1. Khung ma trận và đặc tả đề kiểm tra cuối kì 1 môn Khoa học tự nhiên, lớp 6

a) Khung ma trận

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra học kì 1 khi kết thúc nội dung:

Chủ đề 8. Đa dạng thế giới sống – Bài 16: Vi khuẩn – Vi rút

- **Thời gian làm bài:** 90 phút.

- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).

- **Cấu trúc:**

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm;

- Phần tự luận: 6,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).

- Nội dung nửa đầu học kì 1: 25% (2,5 điểm)

- Nội dung nửa học kì sau: 75% (7,5 điểm)

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnteach.com>

b, Bảng ma trận.

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1. Mở đầu (7 tiết)		1	1						1	1	0,5

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2. Các phép đo (10 tiết)			1		2				3	0	0,75
3. Các thể của chất (5 tiết)		1		1						2	0.5
4. Oxygen và không khí (3 tiết)		1								1	0.25
5. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm (7 tiết) (giữa kỳ I = 32 tiết)							2		2		0.5
6. Hỗn hợp (6 tiết)	1	2	2		1				4	2	1.5

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7. Tế bào (12 tiết)	2	3	2	3	2		2		8	6	3.5
8. Đa dạng thế giới sống - Virus và vi khuẩn.(9 tiết)	1	4	2		3				6	4	2.5
Số số ý / câu	4	12	8	4	8		4		24	16	10.0
Điểm số	1,0	3,0	2,0	1,0	2,0	0	1,0	0	6,0	4,0	10
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		10 điểm		10 điểm

2. Bảng đặc tả

LỚP 6

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
Chủ đề 1: Giới thiệu về khoa học tự nhiên, dụng cụ đo và an toàn thực hành.			1 ý	1	C17	C1

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
(7 tiết)						
1. Giới thiệu về Khoa học tự nhiên.	Nhận biết	– Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.				
		– Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.				
	Thông hiểu	– Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.				
		– Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.				
2. Một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành	Nhận biết	– Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên (các dụng cụ đo chiều dài, thể tích, ...).	1 ý		C17	
		– Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.				
		– Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.		1		C1
	Thông hiểu	– Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.				

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
		– Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành.				
Chủ đề 2: Các phép đo (10 tiết)			3		C17	
3.1.Đo chiều dài	Nhận biết	- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài của một vật.				
		- Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản.				
	Thông hiểu	- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng.				
	Vận dụng	- Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của thước.				
		- Dùng thước để chỉ ra một số thao tác sai khi đo chiều dài và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.				
		- Đo được chiều dài của một vật bằng thước (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).				

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
3.2. Đo khối lượng	Nhận biết	- Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản.				
	Thông hiểu	- Hiểu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng của một vật.	1 ý		C17	
	Vận dụng	- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản.				
		- Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của cân.				
		- Dùng cân để chỉ ra một số thao tác sai khi đo khối lượng và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.	2 ý		C17	
		- Đo được khối lượng của một vật bằng cân (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).				
3. 3.Đo thời gian	Nhận biết	- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thời gian.				

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
		- Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản.				
	Thông hiểu	- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản.				
	Vận dụng	- Dùng đồng hồ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo thời gian và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.				
		- Đo được thời gian bằng đồng hồ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).				
4. Đo nhiệt độ	Nhận biết	- Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.				
		- Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius.				
		- Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ.				

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
		- Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.				
	Thông hiểu	- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng.				
		- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.				
	Vận dụng	- Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của mỗi loại nhiệt kế.				
		- Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).				
	Vận dụng cao	- Thiết lập được biểu thức quy đổi nhiệt độ từ thang nhiệt độ Celsius sang thang nhiệt độ Fahrenheit, Kelvin và ngược lại.				
Chủ đề 3: Các thể của chất (5 tiết)				2		C3,4
5. Sự đa	Nhận biết	Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh				

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
dạng của chất		chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh)				
		– Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể rắn, lỏng, khí				
	Thông hiểu	- Nêu được ví dụ chất có trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh.				
		– Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.				
		- So sánh được khoảng cách giữa các phân tử ở ba trạng thái rắn, lỏng và khí.				
6. Tính chất và sự chuyển thể của chất	Nhận biết	Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc.		1		C3
	Thông hiểu	– Nêu được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất.		1		C4
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự nóng chảy.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự đông đặc.				

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự bay hơi.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự ngưng tụ.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự sôi.				
	Vận dụng	– Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại.				
		– Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể lỏng sang thể khí.				
	Vận dụng cao	- Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió.				
Chủ đề 4: Oxygen và không khí (3 tiết)				1		C2
7. Oxygen và không khí	Nhận biết	– Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...).		1		C2
		– Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.				
	Thông hiểu	– Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên.				

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
		– Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.				
		– Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước).				
	Vận dụng	– Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí.				
		– Tìm hiểu được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.				
	Vận dụng cao	- Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí.				
		– Đề xuất được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.				
Chủ đề 5: Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm (7 tiết)			2 ý		C18	
8. Một số vật liệu,	Thông hiểu	– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như				

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
<i>nhiên liệu và nguyên liệu thông dụng</i>		kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thủy tinh,...				
		– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ...				
		– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, ...				
	Vận dụng	– Trình bày được sơ lược về an ninh năng lượng.				
		– Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu.				
		– Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu.				
	Vận dụng cao	Đưa ra được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.	2ý		C18	

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
9. Một số lương thực – thực phẩm thông dụng	Thông hiểu	– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm trong cuộc sống.				
	Vận dụng	– Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của lương thực – thực phẩm thông dụng.				
		– Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số lương thực – thực phẩm.				
	Vận dụng cao	- Đưa ra được cách sử dụng, bảo quản một số lương thực, thực phẩm an toàn, hiệu quả và bảo đảm sức khỏe.				
Chủ đề 6: Hỗn hợp (6 tiết)			4	2	C19	C5 C6
10. Hỗn hợp, chất tinh khiết, dung dịch	Nhận biết	– Nêu được khái niệm hỗn hợp, dung dịch, dung môi, huyền phù, nhũ tương...		2		C5, C6
		– Nêu được khái niệm chất tinh khiết.				
		– Nhận ra được một số khí cũng có thể hoà tan trong nước để tạo thành một dung dịch.				

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
		– Nhận ra được một số các chất rắn hoà tan và không hoà tan trong nước.				
	Thông hiểu	- Phân biệt được dung môi và dung dịch,				
		– Phân biệt được chất và hỗn hợp chất , hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất.				
		– Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương.				
		– Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hoà tan trong nước.				
	Vận dụng	– Thực hiện được thí nghiệm để biết dung môi là gì.				
		– Thực hiện được thí nghiệm để biết dung dịch là gì.				
11. Tách chất ra khỏi hỗn hợp	Thông hiểu	– Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó.	1ý		C19	
	Vận dụng	– Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn.	1ý		C19	

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
		– Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết.				
		– Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết.				
Chủ đề 7: Tế bào (12 tiết)			8	6	C20, 21	C7 - 12
12. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống:	Nhận biết:	- Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào.	2ý	1	C20	C7
		- Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.		1		C8
		- Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.				
		- Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.		1		C9
	Thông hiểu:	- Trình bày được cấu tạo tế bào với 3 thành phần chính (màng tế bào, tế bào chất và nhân tế bào).				

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
		- Trình bày được chức năng của mỗi thành phần chính của tế bào (màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào).	3ý		C20	
		- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.				
		- Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh.				
		- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào -> 2 tế bào -> 4 tế bào... -> n tế bào).				
	Vận dụng:	Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học.				
13. Từ tế bào đến cơ thể:	Thông hiểu:	- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). Từ đó, nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. Lấy		3		C10 C11 C12

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
		được các ví dụ minh hoạ.				
		- Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh hoạ (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...).				
	Vận dụng:	- Thực hành: + Quan sát và vẽ được hình cơ thể đơn bào (tảo, trùng roi, ...);				
		+ Quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh;				
		+ Quan sát mô hình và mô tả được cấu tạo cơ thể người.				
	Vận dụng cao	- Giải thích hiện tượng thực tế	3ý		C20	
Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống (9 tiết)			6	4	C21	C13 - 16
14. Phân	Nhận biết:	- Nhận biết được sinh vật có hai cách gọi tên: tên địa		1		C13

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
loại thể giới sống.		phương và tên khoa học.				
	Thông hiểu:	- Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thể giới sống.				
		- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được năm giới sinh vật. Lấy được ví dụ minh hoạ cho mỗi giới.				
		- Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm phân loại từ nhỏ tới lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới.				
		- Lấy được ví dụ chứng minh thể giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống.				
15. Khoá lưỡng phân	Vận dụng:	Thông qua ví dụ nhận biết được cách xây dựng khoá lưỡng phân và thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật.				
16. Virus và vi	Nhận biết:	Nêu được một số bệnh do virus và vi khuẩn gây ra.	1ý	1	C21	C16
		- Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus (gồm vật chất di truyền và lớp	1ý	1	C21	C14

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
khuẩn:		vỏ protein) và vi khuẩn.				
		- Dựa vào hình thái, nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn.		1		C15
	Thông hiểu:	- Phân biệt được virus và vi khuẩn (chưa có cấu tạo tế bào và đã có cấu tạo tế bào).				
		- Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus và vi khuẩn gây ra.	4 ý		C21	
		- Nêu được một số vai trò và ứng dụng virus và vi khuẩn trong thực tiễn.				
	Vận dụng:	- Thực hành quan sát và vẽ được hình vi khuẩn quan sát được dưới kính hiển vi quang học.				
		- Vận dụng được hiểu biết về virus và vi khuẩn vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: vì sao thức ăn để lâu bị ôi thiu và không nên ăn thức ăn ôi thiu, ...)				
	Vận dụng cao:	- Biết cách làm sữa chua, ...				

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6

Thời gian làm bài 90 phút

A. TRẮC NGHIỆM: 4,0 điểm

Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:

Câu 1. Hành động nào sau đây *không phù hợp* với các quy tắc an toàn trong phòng thực hành?

- A. Chỉ tiến hành thí nghiệm khi có người hướng dẫn.
- B. Ném thử để phân biệt các loại hóa chất.
- C. Thu dọn phòng thực hành, rửa sạch tay sau khi đã thực hành xong.
- D. Mặc đồ bảo hộ, đeo kính, khẩu trang.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây về oxygen là không đúng ?

- A. Oxygen không tan trong nước
- B. Oxygen cần thiết cho sự sống
- C. Oxygen không mùi và không vị
- D. Oxygen cần cho sự đốt cháy nhiên liệu

Câu 3. Sự bay hơi là sự chuyển thể từ:

- A. thể lỏng sang thể rắn của chất.
- B. từ thể lỏng sang thể khí của chất.
- C. thể rắn sang thể lỏng của chất.
- D. từ thể khí sang thể lỏng của chất.

Câu 4. Chỉ ra đâu là tính chất vật lí của chất:

- A. Nến cháy thành khí cacbon đi oxit và hơi nước
- B. Bơ chảy lỏng khi để ngoài trời

- C. Bánh mì để lâu bị ôi thiu
- D. Cơm nếp lên men thành rượu

Câu 5. Chọn câu đúng

- A. Dung dịch là hợp chất đồng nhất của dung môi và chất tan
- B. Nước đường không phải là dung dịch
- C. Dầu ăn tan được trong nước
- D. Có 2 cách để chất rắn hòa tan trong nước

Câu 6. Hỗn hợp nào sau đây là dung dịch?

- A. Nước đường.
- B. Nước phù sa.
- C. Nước cam
- D. Nước cất.

Câu 7. Nhận định nào đúng khi nói về hình dạng và kích thước tế bào:

- A. Các loại tế bào khác nhau đều có chung hình dạng và kích thước
- B. Các loại tế bào thường có hình dạng khác nhau nhưng kích thước giống nhau.
- C. Các loại tế bào thường có hình dạng và kích thước khác nhau.
- D. Các tế bào chỉ khác nhau về kích thước , chúng giống nhau về hình dạng.

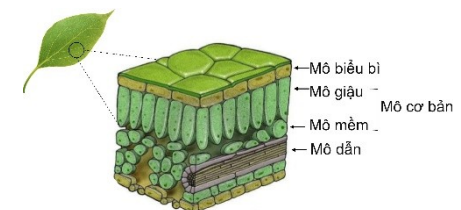
Câu 8. Sự sinh sản của tế bào có ý nghĩa:

- A. Giúp tăng số lượng tế bào
- B. Thay thế các tế bào già, các tế bào chết
- C. Giúp cơ thể lớn lên
- D. Cả A,B, C đúng

Câu 9. Cây lớn lên nhờ:

- A. Sự lớn lên và phân chia của tế bào.
- B. Sự tăng kích thước của nhân tế bào.
- C. Nhiều tế bào được sinh ra từ một tế bào ban đầu
- D. Các chất dinh dưỡng bao bọc xung quanh tế bào ban đầu

Câu 10. Các loại mô cấu tạo nên lá cây (hình vẽ). Hãy cho biết lá cây không



được được cấu tạo từ loại mô nào dưới đây?

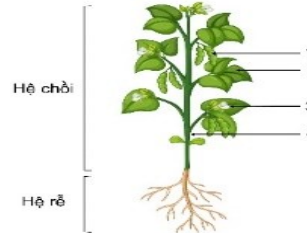
- A. Mô cơ bản.
- B. Mô dẫn.
- D. Mô biểu bì.
- D. Mô cơ.

Câu 11. Trong cơ thể đa bào, tập hợp các tế bào giống nhau cùng thực hiện một chức năng nhất định được gọi là:

- A. Tế bào
- B. Mô
- C. Cơ quan
- D. Hệ cơ quan

Câu 12. Dựa vào sơ đồ mối quan hệ: cơ quan - cơ thể thực vật (hình vẽ) cho biết hệ cơ quan cấu tạo nên cây đậu Hà Lan.

- A. Hệ thân, hệ chồi và hệ rễ
- B. Hệ chồi và hệ rễ.
- C. Hệ chồi và hệ thân
- D. Hệ rễ và hệ thân



Câu 13: Việc phân loại thế giới sống có ý nghĩa gì đối với chúng ta?

- (1) Gọi đúng tên sinh vật.
- (2) Đặt sinh vật vào đúng nhóm phân loại.
- (3) Thấy được vai trò của sinh vật trong tự nhiên và thực tiễn.
- (4) Nhận ra sự đa dạng của sinh giới.

- A. (1),(2), (3)
- B. (1),(2), (4).
- C. (2), (3), (4).
- D. (1),(3), (4).

Câu 14. Virus gây ra nhiều bệnh nguy hiểm cho con người, nhóm các bệnh nào dưới đây do virus gây ra?

- A. Tả, sởi, viêm gan A

- B. Viêm gan B, AIDS, sởi
- C. Quai bị, lao phổi, viêm gan B
- D. Viêm não Nhật Bản, thủy đậu, viêm da

Câu 15. Trong cấu tạo của tế bào vi khuẩn không có thành phần cấu tạo nào sau đây ?

- A . Thành tế bào B . Nhân C . Màng tế bào D . tế bào chất

Câu 16. Vi khuẩn phân bố rộng rãi trong thiên nhiên và thường với số lượng lớn vì:

- A. Chúng có hình thức sinh dưỡnng hoại sinh hoặc kí sinh
- B. Chúng có khả năng sinh sản rất nhanh bằng cách phân đôi tế bào
- C. Chúng có kích thước nhỏ
- D. Cả A và B

II. TỰ LUẬN: 6,0 điểm

Câu 17. (1,0 điểm): Trong phòng thực hành có thiết bị như trong sau:

- a) Tên thiết bị này là gì?
- b) Thiết bị này dùng để làm gì?
- c) Một học sinh tiến hành đo chiều dài của một chiếc lá như trong hình



Hình 5.3

5.3. Em hãy nhận xét về cách đặt thước và đặt mắt của bạn và sửa lại cho đúng?

Câu 18. (0,5 điểm)

Em hãy giải thích tác dụng của các việc làm sau:

- a. Quạt gió vào bếp lò khi nhóm lửa.
- b. Tắt bếp khi sử dụng xong.

Câu 19. (1,0 điểm)

Muối ăn có thành phần gồm natri clorua được sản xuất chủ yếu từ nước biển.

- a. Quá trình làm muối từ nước biển sử dụng phương pháp tách chất nào?

b. Có một mẫu muối có lẫn cát, em hãy đề xuất phương pháp tách muối khỏi cát.

Câu 20. (2,0 điểm) a. Nêu khái niệm và chức năng của tế bào? Hãy trình bày chức năng của mỗi thành phần chính của tế bào (màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào)

b. Những đặc điểm nào chứng tỏ sinh vật đa bào có cấu tạo phức tạp hơn sinh vật đơn bào?

Câu 21. (1,5 điểm)

Cho hình ảnh virus sau:



Virus Corona

a. Hãy cho biết virus này gây bệnh gì?

b. Trình bày cấu tạo của virus đó?

c. Để phòng chống bệnh do virus này gây ra chúng ta cần có những biện pháp gì? Trong các biện pháp đó, biện pháp nào hiệu quả nhất.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1

A. TRẮC NGHIỆM: 5 điểm (đúng mỗi câu được 0,2 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐA	B	A	B	B	A	A	C	D
Câu	9	10	11	12	13	14	15	16
ĐA	A	D	B	B	B	B	A	B

B. TỰ LUẬN: 5 điểm

Đáp án	Điểm
Câu 17. (1,0 điểm) a) Thiết bị có tên là thước kẻ thẳng b) Lực kế dùng để đo chiều dài c) - Cách đặt thước và đặt mắt của bạn không đúng. - Ta cần đặt thước dọc theo chiều dài chiếc lá, từ cuống lá đến ngọn lá, vạch số 0 của thước ngang với cuống lá và mắt phải nhìn vuông góc với vạch chia của thước.	0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm
Câu 18. (0.5 điểm) a. Cung cấp thêm khí oxi giúp lửa cháy to hơn b. Tiết kiệm nhiên liệu, bảo vệ môi trường, an toàn cho bản thân và gia đình	0,25 điểm 0,25 điểm
Câu 19. (1,0 điểm) a. Quá trình làm muối từ nước biển sử dụng phương pháp cô cạn.	0,25 điểm

b. Ta ngâm hỗn hợp muối và cát vào nước, khuấy đều cho muối tan hết và để cát lắng xuống đáy ta thu được dung dịch nước muối. Dùng phương pháp cô cạn ta tách muối ra được khỏi dung dịch đó.	0,75 điểm
Câu 20. (2,0 điểm) a. - Tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống - Tế bào thực hiện các chất năng của cơ thể sống như :trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng , sinh trưởng, phát triển, cảm ứng, vận động và sinh sản - Chức năng các thành phần chính của tế bào: + Màng tế bào: Kiểm soát sự di chuyển của các chất vào và ra khỏi tế bào + Tế bào chất: Chứa các bào quan, là nơi diễn ra hầu hết các hoạt động sống của tế bào + Nhân tế bào: Là trung tâm điều khiển hầu hết hoạt động sống của tế bào b. Đặc điểm chứng tỏ sinh vật đa bào có cấu tạo phức tạp hơn sinh vật đơn bào	0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm 0,75 điểm
Câu 21. (1,5 điểm) a. Virus gây bệnh covid 19. b. Cấu tạo của virus gồm: Vỏ protein, chất di truyền, gai glicoprotein c. - Cách hạn chế lây lan dịch bệnh: + Thực hiện 5K: Khẩu trang – Khử khuẩn – Khoảng cách – Không tập trung – Khai báo y tế + Tiêm vacxin	0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm

+Tập thể dục nâng cao sức khỏe. + Ăn uống điều độ tăng sức đề kháng ...	0,25 điểm
- Cách hạn chế lây lan dịch bệnh hiệu quả nhất: Thực hiện 5K	0,25 điểm
